

Một số vấn đề về chính sách đất đai trong phát triển nông nghiệp ở Việt Nam

Hoàng Ngọc Hường*

Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng

Ngày nhận bài: 05/12/2018, ngày gửi phản biên: 07/10/2019, ngày duyệt đăng: 10/01/2020

Xu hướng tất yếu của sự phát triển lực lượng sản xuất theo cơ chế thị trường là xã hội hóa lao động, bao gồm xã hội hóa nông nghiệp, mà đặc trưng nổi bật là thay tình trạng sản xuất nông nghiệp phân tán như trước kia, bằng sự tập trung sản xuất trong nông nghiệp tương lai. Song, tập trung sản xuất biểu hiện trước hết ở tập trung tư liệu sản xuất, đặc biệt là tập trung ruộng đất - tư liệu sản xuất quan trọng của nông nghiệp. Vì thế, chính sách đất đai luôn là tâm điểm của hệ thống chính sách phát triển đối với các nước nông nghiệp. Bài viết tìm hiểu một số vấn đề về chính sách đất đai trong phát triển nông nghiệp ở Việt Nam.

Từ khóa: Đất đai, nông nghiệp, tập trung ruộng đất

Mở đầu

Đất đai là tư liệu sản xuất chủ yếu, là khâu tiền đề trong đột phá phát triển nông nghiệp, nhất là khi Việt Nam chú trọng việc phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, chuỗi giá trị. Tuy nhiên, đến nay, đất sản xuất nông nghiệp của Việt Nam còn manh mún, phân tán; quá trình tích tụ, tập trung ruộng đất diễn ra chậm; cùng với đó là rào cản về chính sách đã kìm hãm sự phát triển của nông nghiệp Việt Nam. Bài viết tập trung phân tích một số vấn đề về chính sách đất đai nông nghiệp thời gian qua, lấy đó làm cơ sở đề xuất, kiến nghị một số nội dung trong xây dựng và thực hiện chính sách đất đai nhằm góp phần tái cơ cấu nền nông nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển của Việt Nam theo hướng kinh tế thị trường và hội nhập.

1. Quá trình đổi mới chính sách đất đai của Việt Nam thời gian qua

Thực hiện đường lối đổi mới kinh tế nông nghiệp, trong nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản đề quản lý và sử dụng đất đai trong nông nghiệp. Các văn bản được ban hành đã có những thay đổi căn bản và đang từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai trong nông nghiệp. Tuy nhiên, lịch sử cho thấy, các mối quan hệ về ruộng đất thường có tính phức tạp, không đơn thuần chỉ là mối quan hệ con người với tài nguyên, mà chủ yếu lại bắt nguồn từ

* huongktcttq2@gmail.com

quan hệ giữa con người với con người xung quanh vấn đề ruộng đất.

Trong vòng 20 năm (1993 - 2013), ở Việt Nam, Luật Đất đai đã phải sửa đổi 5 lần (từ 7 chương - 89 điều của Luật năm 1993 lên 7 chương - 146 điều của Luật năm 2003). Đó là chưa kể, hàng chục văn bản dưới Luật cũng đã được ban hành trong giai đoạn này.

Năm 2013, Luật Đất đai (Luật số: 45/2013/QH13) sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định về thời gian sử dụng đất nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, với những nội dung cơ bản sau:

Về thời hạn sử dụng đất. Điều chỉnh thời hạn giao đất trong hạn mức sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân lên 50 năm. Khi hết thời hạn thuê đất, hộ gia đình, cá nhân nếu có nhu cầu thì được Nhà nước xem xét tiếp tục cho thuê đất. Đối với dự án có vốn đầu tư lớn nhưng thu hồi vốn chậm, dự án đầu tư vào địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn mà cần thời hạn dài hơn thì thời hạn giao đất, cho thuê đất không quá 70 năm (khoản 2, 3, Điều 126, Luật Đất đai năm 2013).

Về hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân: Hạn mức được nâng lên 10 lần hạn mức giao đất nông nghiệp, tạo điều kiện cho quá trình tích tụ, tập trung đất đai để hình thành những vùng sản xuất hàng hóa lớn trong nông nghiệp (khoản 1, Điều 130, Luật Đất đai năm 2013).

Về chế độ sử dụng đất trồng lúa: Nhà nước có chính sách bảo vệ đất trồng lúa, hạn chế chuyển đất trồng lúa sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp, có biện pháp bổ sung diện tích đất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa... hỗ trợ, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, áp dụng khoa học và công nghệ hiện đại cho vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao (khoản 1, Điều 134, Luật Đất đai năm 2013).

Về hỗ trợ cho người bị thu hồi đất nông nghiệp: Luật quy định rõ hơn về hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không có đất nông nghiệp để bồi thường (điểm b, khoản 2, Điều 83, Luật Đất đai năm 2013).

Có thể đánh giá, bên cạnh những kết quả tích cực đã đạt được, Luật Đất đai 2013 vẫn còn bộc lộ một số bất cập. Điều này khiến cho nguồn lực về đất đai vẫn chưa thực sự khai thác, phát huy đầy đủ và bền vững để trở thành nguồn nội lực quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

2. Thực trạng ruộng đất manh mún khó thu hút đầu tư vào nông nghiệp

Để bảo đảm sự phát triển bền vững, cần thực hiện việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, nhất là chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp để hỗ trợ công nghiệp hóa, trong đó trọng tâm là chuyển đổi cơ cấu đất đai một cách hợp lý. Ruộng đất vừa là phương tiện để bảo đảm đời sống, vừa là một nhân tố sản xuất để tích lũy vốn. Vì vậy, việc tiếp cận với ruộng đất, quyền sở hữu hay quyền sử dụng, đều phải có tác dụng đối với sản xuất, giúp nông dân thoát khỏi tự cấp, vươn lên phát triển nông nghiệp hàng hóa, đồng thời tham gia vào việc đầu tư để công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Mặc dù sản xuất được cơ cấu lại theo hướng mở rộng quy mô, nhưng sản xuất nhỏ vẫn phổ biến, kinh tế hộ vẫn là đơn vị sản xuất cơ bản, chiếm tỷ trọng lớn. Theo kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2016 của cả nước, "Tổng diện tích đất tự nhiên của cả nước là 33.123.078 ha, trong đó có 27.284.906 ha đất nông nghiệp, 3.725.374 ha đất phi nông nghiệp, 2.112.798 ha đất chưa sử dụng" (V.H.N, 2017).

Theo Hương Chu (2018), đồng bằng sông Hồng là vùng có số thửa và diện tích mỗi thửa bình quân một hộ nhỏ hơn mức trung bình cả nước. Tính đến năm 2016, bình quân một hộ có 2,6 thửa đất nông nghiệp, với diện tích trung bình là 604,4 m²/thửa (0,06 ha/thửa). Đây là vùng sản xuất lúa khá tập trung, tuy nhiên mức độ tập trung ruộng lúa cũng không khác hơn nhiều. Bình quân một hộ có 2,6 thửa ruộng trồng lúa, với diện tích bình quân 647,6 m²/thửa (0,65ha/thửa), thấp hơn nhiều so với 1.401 m²/thửa bình quân chung của cả nước. Vùng Đông Nam Bộ có quy mô ruộng đất được tập trung lớn hơn, với số thửa bình quân một hộ giảm, chỉ còn 1,3 thửa so với 1,4 thửa/hộ năm 2011. Vùng đồng bằng sông Cửu Long, số thửa bình quân một hộ có tăng lên (1,4 thửa/hộ năm 2016 so với 1,3 thửa/hộ năm 2011), và quy mô diện tích bình quân một thửa cũng tăng lên 0,54 ha/thửa so với 0,51 ha/thửa năm 2011. Tại đây, số hộ có quy mô trên mức hạn điền (3 ha) không nhiều. Còn ở vùng trung du miền núi phía Bắc, do đặc thù địa hình, số thửa bình quân một hộ lớn hơn bình quân chung cả nước, 3,6 thửa/hộ, giảm đi so với năm 2011 (3,9 thửa/hộ). So sánh diện tích giữa các vùng cho thấy, đồng bằng sông Hồng và trung du miền núi phía Bắc có mức độ ruộng đất manh mún cao hơn so với vùng Đông Nam Bộ và vùng đồng bằng sông Cửu Long.

So sánh diện tích có quy mô bình quân trên một mảnh ruộng của Việt Nam với các nước trong khu vực và trên thế giới thì quy mô ruộng đất của hộ gia đình Việt Nam thuộc nhóm nhỏ nhất ở Đông Nam Á và trên thế giới. Đây là điều khác biệt khá lớn so với các nước lân cận, bởi "từ năm 2012, Thái Lan với 1,4 triệu mảnh ruộng có quy mô hơn 22 ha. Tại Trung Quốc, từ năm 2013, 8,82% diện tích có quy mô hơn 3 ha/mảnh" (TD, 2018).

Ruộng đất manh mún, phân tán cũng khiến việc thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp trở nên khó khăn. Tính đến năm 2018, "cả nước mới có khoảng 49.600 doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, chiếm gần 8% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam. Nếu tính riêng các doanh nghiệp trực tiếp sản xuất nông lâm sản và thủy sản, số doanh nghiệp giảm xuống chỉ còn trên 1%, tương ứng với khoảng 7.600 doanh nghiệp. Kéo theo đó, vốn đầu tư cho phát triển nông nghiệp cũng đạt rất thấp với khoảng 8 - 10% tổng nguồn vốn đầu tư toàn ngành kinh tế; trong đó, đầu tư sản xuất trực tiếp chỉ chiếm 1%" (Tài Nguyên, 2018).

Việc xử lý đối với các trường hợp chậm đưa đất vào sử dụng chưa được thực hiện nghiêm trên thực tế. Thị trường quyền sử dụng đất nông nghiệp phát triển kém; vẫn còn tình trạng nông dân mặc dù không trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhưng vẫn giữ đất, gây lãng phí nguồn lực cho phát triển sản xuất nông nghiệp. Thực tế này dẫn đến khó có thể công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, hiệu suất lao động trong nông nghiệp, nâng cao khả năng cạnh

tranh... nếu vẫn duy trì nền nông nghiệp manh mún, phân tán, tự phát, chưa gắn được với chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp thế giới.

3. Nguyên nhân ruộng đất manh mún

3.1. Nguyên nhân liên quan đến chính sách đất đai

Một là, hạn chế về hạn điền và thời gian sử dụng đất nông nghiệp. Đối với hộ gia đình, cá nhân còn có những vướng mắc về hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản không quá 10 lần hạn mức giao đất (Điều 130, Luật Đất đai năm 2013). Ở khu vực Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long, không quá 30 ha; và không quá 20 ha cho mỗi loại đất đối với các hộ gia đình, cá nhân các tỉnh còn lại. Hộ gia đình, cá nhân không được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trồng lúa nếu không trực tiếp sản xuất nông nghiệp; không được chuyển nhượng đất nông nghiệp trong khu rừng phòng hộ, trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, phân khu phục hồi sinh thái rừng đặc dụng nếu không sinh sống trong khu rừng (khoản 3, 4, Điều 191, Luật Đất đai năm 2013). Việc chuyển đổi quyền sử dụng đất lúa chỉ được thực hiện trong cùng một xã, phường, thị trấn.

Hai là, việc chuyển đổi sử dụng đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi còn gặp nhiều khó khăn. Chế tài xử lý ruộng đất bỏ hoang hóa chưa đủ mạnh, nên có xu hướng giữ ruộng làm vật "bảo hiểm", sử dụng kém hiệu quả, ngừng canh tác.

Ba là, giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp khá cao, lợi nhuận trong sản xuất nông nghiệp thấp, nhiều rủi ro, cơ chế chính sách hỗ trợ chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất chưa đủ mạnh, nên thị trường đất nông nghiệp hoạt động trầm lắng, kém hiệu quả.

3.2. Nguyên nhân liên quan đến nhận thức, tâm lý

Một là, nhiều người vẫn có tâm lý giữ đất nông nghiệp do suy nghĩ nông nghiệp là sinh kế duy nhất của nông dân. Trên thực tế, lao động nông thôn thoát ra khỏi nông nghiệp chủ yếu đi vào thị trường lao động phi chính thức, tiềm ẩn đầy rủi ro nên càng có lý do giữ đất nông nghiệp để phòng khi không thành công ở các lĩnh vực kinh tế phi nông nghiệp.

Hai là, nhiều người cho rằng, ruộng đất phân tán có thể giúp giảm thiểu rủi ro (đảm bảo an ninh lương thực trong khủng hoảng), đa dạng hóa sản xuất, sử dụng nguồn lực hiệu quả, tăng tính thanh khoản của đất (Phạm Dũng, 2017).

Ba là, tâm lý lo ngại về phân hóa xã hội gắn liền với tích tụ ruộng đất.

4. Một số vấn đề đặt ra trong phát triển nông nghiệp có liên quan đến đất đai

Mặc dù có nhiều nỗ lực của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương, nhưng quá trình phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại diễn ra vẫn rất chậm do những trở ngại lớn trong tích tụ, tập trung ruộng đất. Điều này đặt ra một số vấn đề như sau:

Một là, quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp chưa gắn với quy hoạch phát triển các ngành hàng sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp chế biến chưa tính đến các biến động của thị trường và Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á. Số 2 - 2020, tr.78-85

quá trình đô thị hóa. Đất nông nghiệp được chuyển sang các mục đích khác nhưng không được sử dụng hiệu quả hoặc bị bỏ hoang gây lãng phí, trong khi nông dân không có đất sản xuất. Hiện tượng này xảy ra ở không ít địa phương.

Hai là, trình độ canh tác và mức đầu tư vào sản xuất nông nghiệp tính trên diện tích đất canh tác của các hộ nông dân rất khác nhau. Các trang trại có quy mô dưới 3 ha hầu như sử dụng lao động gia đình là chính, kết hợp với thuê lao động theo thời vụ; một số ít trang trại quy mô lớn hàng chục hecta kết hợp trang bị máy móc nông nghiệp với thuê lao động thường xuyên (khoảng 10 người) và lao động mùa vụ. Điều này dẫn tới tính không ổn định trong sản xuất, hạn chế khả năng cung ứng cho các đơn hàng với khối lượng nông sản lớn, đồng đều về chất lượng và có sức cạnh tranh cao.

Ba là, mâu thuẫn giữa yêu cầu ruộng đất phải tập trung quy mô tối ưu để tổ chức sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn, tạo lợi thế cạnh tranh với tình trạng quy mô ruộng đất nhỏ manh mún của phương thức sản xuất nông nghiệp truyền thống.

Bốn là, thời hạn giao đất sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật 2013 đã kéo dài tới 50 năm, nhưng vẫn chưa thu hút được nông dân yên tâm đầu tư lớn để phát triển sản xuất hàng hóa lâu dài, nhất là các chủ trang trại quy mô lớn, các doanh nghiệp có tiềm lực mạnh đang ngần ngại bỏ vốn đầu tư vào xây dựng các công trình hạ tầng kiên cố để phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng hóa.

Năm là, thực hiện quyền góp vốn cổ phần của nông dân bằng giá trị quyền sử dụng đất vào các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế khác chưa thuận lợi do thị trường đất nông nghiệp chưa phát triển, thiếu cơ chế định giá đất nông nghiệp khách quan, chính xác, chưa hình thành cơ chế hiệu quả về mối quan hệ giữa nông dân, hợp tác xã với doanh nghiệp trong đóng góp cổ phần bằng ruộng đất.

Sáu là, chính sách tích tụ, tập trung ruộng đất chưa phù hợp, chưa tạo sinh kế lâu dài cho một bộ phận người dân sau tích tụ, tập trung. Sự tích tụ, tập trung ruộng đất ở nông thôn được xem là nguyên nhân dẫn đến mất đất của một bộ phận nông dân chủ yếu kiếm sống dựa vào ruộng đất. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến thu nhập của người nông dân mà còn có thể gây ra những vấn đề xã hội phức tạp trong quá trình tích tụ, tập trung ruộng đất cho phát triển sản xuất nông nghiệp.

5. Một số đề xuất hoàn thiện chính sách đất đai nhằm thúc đẩy quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn thời gian tới

5.1. Hoàn thiện quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp

Tiến hành rà soát, hoàn thiện lại quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch khác có liên quan. Tăng cường chất lượng dự báo, đảm bảo sự ổn định của quy hoạch và nâng cao sự liên kết, đồng bộ giữa quy hoạch các khu, cụm công nghiệp chế biến với các khu vực sản xuất nguyên liệu. Cần có dự báo, định hướng chiến lược lâu dài về kinh tế vĩ mô và thị trường hàng hóa nông nghiệp trong nước, khu vực và thế giới. Xây dựng cơ chế lập quy hoạch sử dụng đất đối với đất nông nghiệp theo hướng hình thành khu vực chuyên canh sản xuất quy mô lớn gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

phẩm. Bổ sung các chế tài để xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định về điều chỉnh, hủy bỏ, công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp.

Thực hiện quy hoạch cứng đối với diện tích đất sử dụng vào xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp như: hệ thống giao thông, kênh mương, thủy lợi nội đồng, hệ thống điện, các công trình phục vụ nông nghiệp khác, và đất dành cho phát triển các hoạt động công nghiệp, dịch vụ và công trình văn hóa, phúc lợi xã hội ở nông thôn.

Thực hiện quy hoạch mềm đối với diện tích đất, mặt nước được sử dụng vào sản xuất nông nghiệp. Thể hiện được các phương án về bố trí cây trồng, vật nuôi cụ thể cho từng loại đất, có thể thay đổi theo tín hiệu thị trường để đạt hiệu quả cao về kinh tế - xã hội.

5.2. Hoàn thiện chính sách giao đất nông nghiệp

Chuyển chính sách giao đất cho hộ gia đình làm nông nghiệp theo chế độ không thu tiền sử dụng sang chính sách cho thuê đất như đối với các tổ chức kinh tế, nhưng mức giá tiền thuê đất được tính khác biệt theo vùng, đối với những vùng khó khăn, vùng nghèo, vùng sản xuất tự cung tự cấp và tăng dần đến mức tiền thuê đất áp dụng cho các trang trại, tổ chức kinh tế thuê đất để sản xuất kinh doanh nông nghiệp.

5.3. Hoàn thiện chính sách về hạn mức nhận chuyển quyền đất nông nghiệp

Hạn mức được đặt ra để đảm bảo kiểm soát quá trình tích tụ đất nông nghiệp phù hợp với chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn, đảm bảo quy mô mà nông dân có thể quản lý, sản xuất sử dụng hiệu quả đất đai. Bên cạnh đó, Luật Đất đai năm 2013 quy định không hạn chế hộ gia đình, cá nhân tập trung đất đai thông qua hình thức thuê đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất với người sử dụng đất; đồng thời không hạn chế về quy mô tích tụ, tập trung đất nông nghiệp nếu hoạt động sản xuất theo mô hình doanh nghiệp.

Tuy nhiên, hiện nay, vẫn còn có ý kiến khác nhau liên quan đến quy định về hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân (gồm nhận quyền thông qua nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhận tặng cho quyền sử dụng đất hoặc xử lý nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp; không bao gồm đất thuê, đất nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất).

Do đó, trong thời gian tới, khi chuyển sang chế độ thuê đất thì nên bỏ quy định hạn điền. Không hạn chế trang trại nhận chuyển nhượng hoặc thuê lại đất của các hộ để sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo quy hoạch.

5.4. Hoàn thiện chính sách về quyền của người sử dụng đất nông nghiệp

Đối với quyền chuyển đổi đất nông nghiệp, cần bổ sung quy định về điều kiện chuyển đổi đất nông nghiệp là những diện tích đã được quy hoạch theo hướng sử dụng lâu dài, không chuyển đổi đất nông nghiệp ở những vùng đất chưa được quy hoạch rõ ràng.

Quyền chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp, quy định hộ nông dân có quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ diện tích đất được giao, đồng thời có quyền nhận chuyển nhượng một diện tích khác, không phụ thuộc nơi cư trú. Bỏ quy định người nhận chuyển

nhượng buộc phải là người trực tiếp sản xuất nông nghiệp mà quy định về điều kiện nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp là những đối tượng có phương án sản xuất kinh doanh nông nghiệp hiệu quả, có khả năng về vốn đầu tư và bảo đảm phát triển sản xuất theo đúng quy hoạch trên số diện tích nhận chuyển nhượng.

5.5. Hoàn thiện chính sách có liên quan nhằm thúc đẩy quá trình tích tụ, tập trung ruộng đất cho sản xuất nông nghiệp quy mô lớn

Nghiên cứu ban hành văn bản hướng dẫn việc thực hiện quy định góp vốn bằng đất của hộ nông dân với doanh nghiệp nhằm đảm bảo lợi ích của người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp và Nhà nước; quy định trách nhiệm, quyền hạn của các cấp chính quyền địa phương trong việc hỗ trợ doanh nghiệp giải quyết các thủ tục hành chính khi nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn hoặc thuê đất, thỏa thuận, bồi thường cho nông dân đối với các doanh nghiệp có đề án sản xuất nông nghiệp quy mô lớn theo quy hoạch của Nhà nước.

5.6. Thực hiện có hiệu quả các giải pháp hỗ trợ nông dân có ruộng đất tập trung

Thực hiện tốt các chính sách và giải pháp rút lao động ra khỏi nông nghiệp và hỗ trợ thay đổi sinh kế, như hỗ trợ đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn, tăng cường liên kết trong nông nghiệp, xuất khẩu lao động nông thôn, đào tạo và dạy nghề cho lao động nông thôn...

Tạo điều kiện vốn hóa đất đai, tài sản và phát triển bảo hiểm xã hội cho những nông dân rời bỏ nông nghiệp tham gia lĩnh vực phi nông nghiệp tại nông thôn và đô thị. Giải quyết đồng bộ các vấn đề xã hội thông qua: bảo hiểm nông nghiệp, xóa đói giảm nghèo đa chiều, chính sách bảo hiểm xã hội cho người lao động nông thôn, chính sách bảo vệ quyền và trợ giúp người yếu thế, đẩy mạnh phát triển các hoạt động phi nông nghiệp ở nông thôn và tăng cường công nghiệp hóa nông thôn.

Kết luận

Quá trình tiến triển trong tư duy về chính sách đất đai đã mang lại những tác động sâu rộng từ những chuyển biến trong quan hệ ruộng đất, nông nghiệp và phát triển nông thôn. Bên cạnh những thành tựu trên, trong những năm gần đây, khi nền kinh tế chuyển sang kinh tế thị trường cũng là lúc chính sách đất đai bộc lộ những khiếm khuyết, thiếu sót, làm hạn chế khả năng phát triển của nông nghiệp theo hướng sản xuất hiện đại. Vì vậy, cần tiếp tục đổi mới, hoàn thiện chính sách, pháp luật về đất đai theo hướng tích tụ, tập trung ruộng đất phục vụ phát triển nông nghiệp hiện đại, quy mô lớn. Trong đó, tập trung nâng cao hiệu quả quản lý, có quy định phù hợp về hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân, nhằm vừa nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, vừa bảo đảm quyền lợi của nông dân.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2017), *Báo cáo Kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2016*, Báo cáo số 107/BC-BTNMT ngày 28/9/2017.

2. Nguyễn Thế Chính, Vũ Thị Minh (2013), “Giải pháp để giá đất do Nhà nước quy định phù hợp với giá thị trường ở Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý Kinh tế*, số 57 (11-12/2013).
3. Hương Chu (2018), *Tình trạng ruộng đất sản xuất nông nghiệp manh mún, nhỏ lẻ vẫn còn phổ biến*, khoaahocchonhanong.com.vn/tinh-trang-ruong-dat-san-xuat-nong-nghiep-manh-mun-nho-le-van-con-pho-bien.html, ngày truy cập 20/12/2019.
4. Phạm Dũng (2017), *Tích tụ, tập trung ruộng đất ở Việt Nam trong điều kiện mới: Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, <http://iasvn.org/homepage/Tich-tu,-tap-trung-ruong-dat-o-Viet-Nam-trong-dieu-kien-moi-Nhung-van-de-ly-luan-va-thuc-tien-10433.html>, ngày truy cập 08/01/2020.
5. Tài Nguyên (2018), *Phát triển thị trường đất nông nghiệp: Đứng để doanh nghiệp đơn độc*, <https://baotainguyenmoitruong.vn/amp/phat-trien-thi-truong-dat-nong-nghiep-dung-de-doanh-nghiep-don-doc-237624.html>, ngày truy cập 08/01/2020.
6. Quốc hội (2013), *Luật Đất đai (Luật số. 45/2013/QH13)*, <http://thuvien.qui.edu.vn/...Phap-luat/Luat-so-45-2013-QH13-cua-Quoc-hoi-Luat-dat-dai>, ngày truy cập 03/01/2020.
7. V.H.N (2017), *Công bố số liệu thống kê diện tích đất đai năm 2016 trên toàn quốc*, <http://haiphong.gov.vn/p-UBNDTP/d-9372/119117/cong-bo-so-lieu-thong-ke-dien-tich-dat-dai-nam-2016>, ngày truy cập 08/01/2020.
8. TD (2018), *Đề xuất tháo gỡ thị trường đất nông nghiệp*, <http://moitruong24h.vn/de-xuat-thao-go-thi-truong-dat-nong-nghiep.html>, ngày 15 tháng 11 năm 2018, ngày truy cập 09/12/2019.